

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-ST
Ngày: 19- 01 – 2021
V/v tranh chấp hợp đồng thi công

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Khánh Linh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Tâm;

2. Bà Trần Ngọc Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Phạm Thanh Trang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lý Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 152/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng thi công, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2020/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2021, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trương Thanh H, sinh năm 1985; trú tại: 83 đường số 1, khu nhà ở TĐH, khu phố CL, phường TĐH, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Danh S, sinh năm 1992; trú tại: 19 HBT, phường ĐH, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 26/5/2020), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng HPĐ; trụ sở: 119/4 đường 61 khu phố BP B, phường Bình BC, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị H1, chức vụ: Giám đốc, có đơn xin vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Thanh Ng, sinh năm 1980; địa chỉ: Công trình xây dựng trường trung học cơ sở MT, xã Minh Tân, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 19/12/2018, ông Trương Thanh H và Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng HPĐ ký hợp đồng giao khoán phần khung. Theo hợp đồng, ông H nhận thầu thi công toàn bộ nhân công phần khung hạng mục khối lớp học và thư viện của công trình trường THCS Nguyễn Trung Trực đúng theo bản vẽ được duyệt và được bên A (bên giao thầu) toàn bộ nhân công phần khung, công trình thi công tọa lạc tại phường Hưng Định, thị xã Thuận An (nay là thành phố Thuận An), tỉnh Bình Dương; giá trị hợp đồng tạm tính là 477.305.000 đồng; phương thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản; thời gian thi công là 35 ngày. Sau khi ký kết hợp đồng, ông H đã tiến hành thi công theo đúng hợp đồng và phía Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng HPĐ do bà Phạm Thị H1 đại diện theo pháp luật đã thanh toán 02 lần tiền, một lần trả trực tiếp 80.000.000 đồng ở quán cafe (không nhớ tên) tại phường Bình Chuẩn và 01 lần chuyển khoản số tiền 80.000.000 đồng qua Ngân hàng BIDV vào tài khoản số 13010000813311 của ông Trương Thanh H nội dung “Mr Ng thanh toán tiền công NTT”. Đây là công trình duy nhất hợp tác giữa hai bên. Ngoài ra, ông H không có bất cứ giao dịch nào khác với bà Phạm Thị H1 và ông Lê Thanh Ng. Khi bà H1 thanh toán tiền thì ông H mới biết bà H1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty HPĐ

Ngày 24/6/2019 ông Ng cam kết và thừa nhận còn nợ ông H số tiền 230.000.000 đồng từ tháng 3/2019 và sẽ hỗ trợ ông H 10.000.000 đồng để trả cho công nhân. Sau đó ông Ng đã trả cho ông H 30.000.000 đồng và còn nợ 200.000.000 đồng.

Nay nguyên đơn ông Trương Thanh H yêu cầu Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng HPĐ có trách nhiệm thanh toán số tiền 200.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 01/3/2019 đến ngày xét xử 19/01/2021 là 22 tháng 18 ngày với lãi suất 10%/năm, thành tiền là 37.666.666 đồng, tổng cộng nợ gốc và lãi là 237.666.666 đồng và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh yêu cầu khởi kiện: Hợp đồng giao khoán phần khung ngày 19/12/2018; giấy cam kết ngày 24/6/2019; giấy cam kết ngày 03/4/2019; thông báo yêu cầu trả tiền thi công phần khung và vật tư phụ thi công công trình trường THCS Nguyễn Trung Trực chưa trả; sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng ngày 11/11/2020, đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Quá trình tham gia tố tụng, tại bản tự khai ngày 25/6/2020 và ngày 30/7/2020, bà Phạm Thị H1 trình bày: Bà H1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Hưng Phát Đạt. Bà H1 không phải là người đàm phán và ký hợp đồng với ông H và cũng không ủy quyền cho ông Lê Thanh Ng để ký kết hợp đồng này. Việc ký kết hợp đồng là do ông Ng tự ký và lấy mộc dấu của công ty đóng vào hợp đồng giao khoán ngày 19/12/2018. Bà và ông Lê Thanh Ng trước đây là vợ chồng đến năm 2016 ly hôn. Ông Ng có biên bản cam kết với bà H1 về những sự việc liên quan đến công ty, sẽ chịu trách nhiệm cho tất cả các hợp đồng, biên bản mà ông Ng ký. Giữa bà H1 và ông Ng có ký thỏa thuận một số giấy tờ không bà đã sử dụng vào việc làm hồ sơ tạm ngưng hoạt động công ty, công ty đã tạm ngưng hoạt động vì vậy bà không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tài liệu, chứng cứ do bị đơn giao nộp: Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, chứng minh nhân dân, giấy xác nhận doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh, bản cam kết ngày 07/01/2019, giấy cam kết ngày 13/6/2020.

Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh Ng trình bày:

Bà H1 là đại diện theo pháp luật và ông Ng là Giám đốc điều hành của Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Hưng Phát Đạt. Vào ngày 19/12/2018, giữa Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng HPĐdo ông Ng đại diện và ông Trương Thanh H có ký hợp đồng giao khoán phần khung đối với công trình trường trung học cơ sở Nguyễn Trung Trực, phường Hưng Định, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Theo nội dung hợp đồng thì ông H thi công đồ khung bê tông tầng 3,4 và mái của công trình, giá trị hợp đồng là 477.305.000 đồng. Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng HPĐ đã thanh toán cho ông H được một phần tiền, còn nợ lại 200.000.000 đồng. Bà H1 không trực tiếp ký hợp đồng là do trước đó ông Ng và bà H1 là vợ chồng, bà H1 đã ủy quyền cho ông Ng giao dịch và ký các hợp đồng về xây dựng còn bà H1 là người thực hiện tất cả các giao dịch như đơn đốc công nhân tại công trình, thanh toán tiền lương cho công nhân, các đội khoán, tiền mua vật tư như ván, khung, cotpha. Bà H1 có thanh toán tiền cho ông H 02 lần và ông Ng đã thanh toán 01 lần tiền như đại diện nguyên đơn trình bày. Toàn bộ lợi nhuận thu được trong quá trình kinh doanh các đối tác chuyển khoản cho Công ty HPĐ nhưng khi ông yêu cầu bà H1 đưa tiền để trả cho ông H thì bà H1 không đồng ý. Ông Ng yêu cầu Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng HPĐ có trách nhiệm thanh toán nợ cho ông Trương Thanh H và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Chứng cứ do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp: Hợp đồng giao khoán số HĐ: 04.2018/HPD-PC ngày 25/9/2018, tờ cam kết ngày 23/11/2019 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ tranh chấp: Về quan hệ tranh chấp Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng thi công và thụ lý vụ án đúng theo thẩm quyền tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702649087 ngày 23/3/2018 cấp cho Công ty TNHH Kỹ thuật và xây dựng HPĐ thể hiện bà Phạm Thị H1 là người đại diện theo pháp luật của công ty. Ông Lê Thanh Ng là thành viên góp vốn của công ty. Như vậy, ông Ng lấy tư cách giám đốc để ký hợp đồng với ông H là chưa đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, theo sao kê tiền gửi khách hàng ngày 11/11/2020 của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam cung cấp vào lúc 10 giờ 03 phút ngày 28/01/2019, bà H1 có chuyển cho ông H 80.000.000 đồng với nội dung “Mr Ng thanh toán tiền công NTT” có đủ cơ sở khẳng định bà H1 biết việc Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng HPĐvà ông H có ký kết hợp đồng giao khoán ngày 19/12/2018 và bà H1 thực hiện thanh toán tức là đang thực hiện hợp đồng. Do đó, việc bà H1 cho rằng bà không biết việc ký kết hợp đồng và Công ty TNHH kỹ thuật và xây dựng HPĐkhông có trách nhiệm trong việc thực hiện hợp đồng là không có căn cứ. Từ nhận định trên có căn cứ xác định hợp đồng giao khoán phần khung ngày 19/12/2018 đã được hai bên ký kết và thực hiện trên thực tế, ông H đã thực hiện xong công việc theo hợp đồng, bị đơn đã thanh toán một phần giá trị hợp đồng, còn nợ 200.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với tiền lãi, theo giấy cam kết ngày 24/6/2019, ông Ng thừa nhận số tiền chưa thanh toán từ tháng 3/2019. Như vậy, có cơ sở để xác định việc bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ tháng 3/2019 và mức lãi suất 10%/năm ông H yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Ông Trương Thanh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng HPĐ thanh toán nợ đối với hợp đồng giao khoán ngày 19/12/2018 nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là Tranh chấp hợp đồng thi công theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng HPĐ có trụ sở tại: 119/4 đường 61 khu phố Bình Phước B, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Ông Trương Thanh H khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng HPĐ thanh toán tiền nợ theo hợp đồng giao khoán phần khung ngày 19/12/2018, số tiền 200.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 01/3/2019 đến ngày 19/01/2021 là 22 tháng 18 ngày với lãi suất 10%/năm, thành tiền 37.666.666 đồng, tổng cộng là 237.666.666 đồng. Bị đơn không đồng ý thanh toán theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng hợp đồng trên không phải do người đại diện theo pháp luật ký kết và bà H1 không biết việc ông Ng ký kết hợp đồng với ông H.

Xét hợp đồng giao khoán phần khung ngày 19/12/2018, về chủ thể giao kết hợp đồng, phía bị đơn do ông Lê Thanh Ng là thành viên góp vốn và không được người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng HPĐ là bà Phạm Thị H1, chức vụ Giám đốc ủy quyền hợp lệ nhưng ghi tư cách là giám đốc để ký kết hợp đồng với ông Trương Thanh H và sử dụng con dấu của công ty đóng dấu vào trong hợp đồng là không phù hợp theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trương Thanh H và ông Lê Thanh Ng xác định chính bà Phạm Thị H1 đã có mặt tại công trình xây dựng để đón đốc công nhân, thanh toán tiền cho ông H 02 lần tiền, 1 lần trả trực tiếp 80.000.000 đồng và 01 lần bà H1 chuyển khoản cho ông H theo sao kê tiền gửi khách hàng ngày 11/11/2020 của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam cung cấp vào lúc 10 giờ 03 phút ngày 28/01/2019 bà H1 đã chuyển vào số tài khoản 13010000813311 của ông Trương Thanh H 80.000.000 đồng với nội dung “Mr Ng thanh toán tiền công NTT”. Ngoài hợp đồng giao khoán phần khung ngày 19/12/2018 ra, ông Lê Thanh Ng và ông Trương Thanh H xác định không còn bất kỳ giao dịch nào khác. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định bà H1 đã biết và công nhận việc ký

kết hợp đồng giữa ông Lê Thanh Ng nhân danh Công ty TNHH HPĐ với ông Trương Thanh H và không phản đối việc giao kết hợp đồng trên. Mặt khác, thông qua việc bà H1 thanh toán tiền cho ông H chứng tỏ bà H1 đã thực hiện hợp đồng giao khoán ngày 19/12/2018 nêu trên. Việc bà H1 cho rằng bà không biết việc ký kết hợp đồng và Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng HPĐ không có trách nhiệm trong việc thực hiện hợp đồng là không có căn cứ. Từ nhận định trên, có căn cứ xác định hợp đồng giao khoán phần khung ngày 19/12/2018 đã được hai bên ký kết và thực hiện trên thực tế, ông H đã thực hiện xong công việc theo hợp đồng, bị đơn đã thanh toán một phần giá trị hợp đồng, ông Trương Thanh H yêu cầu Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng HPĐ thanh toán số tiền nợ còn lại 200.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp khoản 3 Điều 139, điểm b khoản 1 Điều 142 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với tiền lãi chậm trả, tại hợp đồng giao khoán phần khung ngày 19/12/2018, các đương sự không thỏa thuận tiền lãi suất chậm trả. Tuy nhiên, theo giấy cam kết ngày 24/6/2019, ông Ng thừa nhận số tiền chưa thanh toán từ tháng 3/2019 và bị đơn không thực hiện việc thanh toán nợ đã xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu tiền lãi chậm trả từ ngày 01/3/2019 đến ngày xét xử ngày 19/01/2021 là 22 tháng 18 ngày với lãi suất 10%/năm, thành tiền 37.666.666 đồng, tổng cộng nợ gốc và lãi: 237.666.666 đồng phù hợp theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên chấp nhận.

Theo Công văn số 964/ĐKKD ngày 20/7/2020 của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cung cấp thông Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng HPĐ đã tạm ngừng kinh doanh từ ngày 02/7/2020 đến ngày 30/6/2020 theo giấy xác nhận về việc doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh ngày 25/6/2020. Tuy nhiên, theo Điều 200 Luật doanh nghiệp, Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng HPĐ vẫn phải tiếp tục thanh toán các khoản nợ, hoàn thành việc thực hiện hợp đồng đã ký với ông Trương Thanh H.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Thanh H đối với bị đơn Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng HPĐ về việc tranh chấp hợp đồng thi công. Buộc bị đơn phải thanh toán nợ cho nguyên đơn số tiền là 200.000.000 đồng và tiền lãi 37.666.666 đồng, tổng cộng nợ gốc và lãi là 237.666.666 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 139, Điều 142, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 200 Luật doanh nghiệp năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Thanh H về việc Tranh chấp hợp đồng thi công với bị đơn Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng HPĐ.

Buộc Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng HPĐ có trách nhiệm thanh toán cho ông Trương Thanh H số tiền nợ 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và tiền lãi 37.666.666 đồng (ba mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng, tổng cộng là 237.666.666 đồng (hai trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng HPĐ phải chịu 11.883.333 đồng (mười một triệu tám trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại ông Trương Thanh H số tiền 6.465.555 đồng (sáu triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0046781 ngày 17/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Khánh Linh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

